TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19/8/2019
V/*v Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

-*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Nguyễn Thị Bích

Ông Nguyễn Ngọc Sửu

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà*:* Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/7/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/7/2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn*:* Chị Đồng Thị L, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Nơi cư trú hiện nay: Số nhà 77, phố M, thành phố I, Cộng hòa liên bang Nga.

***-Người đại diện theo ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của chị Đồng Thị L* :** ông Đồng Văn C, sinh năm 1947 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

-Bị đơn*:* Anh Đoàn Công T, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và các bản tự khai,nguyên đơn chị Đồng Thị L trình bày: Chị và anh Đoàn Công T kết hôn năm 2000, trước khi

kết hôn anh và chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống với nhau. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng đầu năm 2014 thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng nhiều vấn đề trong quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ năm 2014 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh Đoàn Công T.

-Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Đoàn Công V, sinh ngày 03/11/2011. Ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, Tại đơn đề nghị ngày 04/4/2019 có xác nhận của lãnh sứ quán Việt Nam tại liên bang Nga, chị Đồng Thị L trình bầy: Ngày 26/01/2019 chị có từ Cộng hòa liên bang Nga về Việt Nam nghỉ lễ tết và giải quyết việc gia đình do vợ chồng ly thân đã lâu, cuộc sống không có tình cảm và hiện tại mỗi người ở một nước khác nhau, sau khi về Việt Nam chị có làm đơn xin ly hôn với anh Đoàn Công T, sinh năm 1978, cư trú tại thôn L, xã L, huyện T và được Tòa án T thụ lý giải quyết, chị nộp đơn trong thời gian chị đang nghỉ phép và đến ngày 14/3/2019 chị lại trở về Nga để làm việc. Do không hiểu biết nên khi nộp đơn ly hôn chị ghi địa chỉ tại đơn xin ly hôn là cư trú tại: thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang và không cung cấp địa chỉ cư trú và làm việc tại Liên bang Nga, nay tìm hiểu được biết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, do vậy chị đề nghị chuyển vụ án lên Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 07/5/2019 có xác nhận của lãnh sứ quán Việt Nam tại liên bang Nga, chị Đồng Thị L trình bầy: Do chị đang làm việc tại Liên bang Nga nên chị đề nghị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh T. Chị ủy quyền cho bố chị là ông Đồng Văn C, sinh năm 1947, địa chỉ Thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho chị và thông báo lại cho chị biết.

Bị đơn anh Đoàn Công T vắng mặt tại phiên tòa tại bản tự khai và các biên bản lấy lời khai anh trình bày:

Anh và chị Đồng Thị L kết hôn với nhau năm 2000 trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh chị về chung sống với nhau tại xã L, huyện T, ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2005 thì chị L đi xuất khẩu lao động ở Nga. Ban đầu khi sang Nga thì chị L vẫn liên lạc với anh. Nhưng đến năm 2010 thì chị L gọi điện về cho anh nói là anh đi lấy vợ mới vì chị L sẽ không về với anh nữa. Anh có nghe nói chị L ngoại tình với người đàn ông khác nên muốn ly hôn với anh. Từ năm 2005 đến nay chị L chỉ về thăm gia đình 03 lần để thăm con, mỗi lần về chỉ ở nhà vài ngày rồi lại đi.

Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị L nhưng với điều kiện là chị L phải có trách nhiệm với con chung của vợ chồng anh chị là cháu Đoàn Công V, sinh ngày 03/11/2001, đề nghị chị L phải lập sổ tiết kiệm mang tên cháu V với số tiền là 150.000.000 đồng thì anh mới đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn.

-Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Đoàn Công V, sinh ngày 03/11/2001. Việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do vụ án được chuyển theo thẩm quyền vì có đương sự ở nước ngoài, sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thụ lý vụ án và đã tiến hành giao Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Đoàn Công T có sự chứng kiến của chính quyền địa phương, nhưng anh T từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Kể từ đó đến nay Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh T gửi cho Tòa án.

-Người đại diện theo ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của chị Đồng Thị L: Ông Đồng Văn C trình bầy ông là bố đẻ chị L, ông đồng ý nhận ủy quyền của chị L về việc Tòa án giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị L ông nhận và thông báo cho chị L.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn chị Đồng Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Đoàn Công T vắng mặt không có lý do.

Do vắng mặt các đương sự nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng công bố đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của chị L, anh T và tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án;Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chị Đồng Thị L đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Đoàn Công T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28,37,147,479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 58,127 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Đồng Thị L. Xử cho chị Đồng Thị L được ly hôn anh Đoàn Công T. Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, y kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng: Chị Đồng Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L; Đối với bị đơn anh Đoàn Công T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng xét xử vắng mặt.

[2].Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là chị Đồng Thị L và bị đơn anh Đoàn Công T được Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết. Quá trình giải quyết do chị L đang lao động tại Liên bang Nga, chị L đi lao động ở liên bang Nga trước thời điểm Tòa án nhân dân huyện T thụ lý. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện T đã căn cứ khoản 1 Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết theo thẩm quyền là đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3].Về quan hệ Hôn nhân: Chị Đồng Thị L và anh Đoàn Công T kết hôn năm 2000 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị L trình bày: Sau khi kết hôn chị và anh T về chung sống với nhau, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2010 chị L đi lao động tại liên bang Nga. Khoảng đầu năm 2014 thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng nhiều vấn đề trong quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ năm 2014 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị L khởi kiện xin ly hôn anh T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L đối với anh T. Hội đồng xét xử thấy: Quá trình chung sống giữa chị L và anh T, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian và bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014 và vợ chồng ly thân từ đó đến nay, anh T cũng xác nhận chị L đi lao động tại Nga từ năm 2005, ban đầu vợ chồng có liên lạc đến năm 2010 chị L gọi điện cho anh nói là anh đi lấy vợ mới vì chị L sẽ không về với anh nữa. Từ năm 2005 đến nay chị L chỉ về thăm gia đình 03 lần để thăm con, mỗi lần về chỉ ở nhà vài ngày rồi lại đi. Nay, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị L nhưng với điều kiện là chị L phải có trách nhiệm với con chung của vợ chồng anh chị là cháu Đoàn Công V. Như vậy, cả chị L và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 53, khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đồng Thị L. Cho chị Đồng Thị L được ly hôn anh Đoàn Công T.

[4].Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là cháu Đoàn Công V sinh ngày 03/11/2011. Chị L và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5].Về tài sản, công nợ: Chị L, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6].Về án phí: Chị Đồng Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang.

[7].Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đồng Thị L.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị L được ly hôn anh Đoàn Công T.

2. Về án phí: Chị Đồng Thị L phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2017/0002367 ngày 28/2/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị L đã nộp đủ.

3.Về quyền kháng cáo: Chị Đồng Thị L đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án.

Anh Đoàn Công T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Chi cục THADS, huyệnT, tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)

Hoàng Thị Thu Hiền